






diǎn cài
点菜

1.		•	•	yì pán 一 盘
2.		•	•	yì zhāng 一 张
3.		•	•	yì wǎn 一 碗
4.	 面 miàn	•	•	yì bēi 一 杯
5.		•	•	yì píng 一 瓶